

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU
ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX**

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
đã được kiểm toán
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NVA

CÔNG TY CỔ
PHẦN VẬN
TẢI XĂNG
DẦU
ĐƯỜNG
THỦY
PETROLIMEX

Digitally signed
by CÔNG TY CỔ
PHẦN VẬN TẢI
XĂNG DẦU
ĐƯỜNG THỦY
PETROLIMEX
Date:
2026.03.19[®]
09:10:24 +07'00'

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

Khái quát

Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex được chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp sửa chữa và vận tải xăng dầu trực thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 151/1999/QĐ-TTG ngày 09 tháng 07 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 09 năm 1999, và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi mới nhất là lần thứ 28 đề ngày 29 tháng 07 năm 2025 (Mã số doanh nghiệp: 0301825283).

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	Đóng tàu và thương mại	10.000	100%

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong tháng 01 năm 2026, công ty đã mua 01 tàu biển (Tên: Long Phú 21) với nguyên giá là gần 96,78 tỷ đồng để bổ sung đội tàu biển của công ty. Nguồn tài chính mua tàu là 31% từ vốn tự có và 69% là từ vốn vay dài hạn tại ngân hàng VCB – CN Gia Định. Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị:

Ông Ngô Anh Dũng	Chủ tịch HĐQT	
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên	Từ ngày 22/04/2025
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên	
Ông Đàm Trọng Nghĩa	Thành viên	
Ông Nguyễn Tuấn Hưng	Thành viên	
Ông Đỗ Hữu Nam	Thành viên	
Ông Phan Anh Đức	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc:

Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc phụ trách	Đến ngày 30/04/2025
Bà Nguyễn Thị Hiền	Tổng Giám đốc	Từ ngày 01/05/2025
Ông Đàm Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Duy Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc	

Ban kiểm soát:

Ông Hoàng Anh Tuấn	Trưởng ban
Ông Trần Văn Trọng	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Sinh	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Anh Dũng – Chủ tịch Hội Đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Hiền - Tổng Giám đốc (từ ngày 22/05/2025)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ khi không thích hợp để cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 06 đến trang 39 và cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hiền
Tổng Giám đốc

Số: 20.06.2.4/25/BCTC/NVA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex và Công ty con được lập ngày 15 tháng 03 năm 2026, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó trong báo cáo kiểm toán ngày 24 tháng 3 năm 2025

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán NVA

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Cúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0700-2023-152-1

Kiểm toán viên

Lê Thị Như Ngọc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 4799-2024-152-1



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7, Toàn nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		169.612.794.065	180.889.257.420
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	64.786.769.896	88.249.283.257
1. Tiền	111		44.786.769.896	8.249.283.257
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	80.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.270.174.739	37.352.850.415
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	9.969.205.125	35.281.715.745
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.076.290.000	1.108.674.324
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	3.224.679.614	962.460.346
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	65.795.019.011	51.686.205.084
1. Hàng tồn kho	141		65.795.019.011	51.686.205.084
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.760.830.419	3.600.918.664
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	2.124.362.708	2.027.200.605
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.314.577.167	1.573.718.059
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	321.890.544	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		357.139.438.211	262.612.814.524
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.630.000	29.650.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	15.630.000	29.650.000
II. Tài sản cố định	220		355.566.838.403	262.188.894.204
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	355.566.838.403	262.188.894.204
- Nguyên giá	222		933.077.141.869	792.154.042.061
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(577.510.303.466)	(529.965.147.857)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.051.289.814	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.07	1.051.289.814	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	327.802.000	327.802.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		327.802.000	327.802.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		177.877.994	66.468.320
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		126.459.104	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.08	51.418.890	66.468.320
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		526.752.232.276	443.502.071.944

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		197.948.192.465	117.579.727.314
I. Nợ ngắn hạn	310		114.320.192.465	102.772.784.314
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	61.547.188.489	46.583.338.345
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.687.481.784	1.091.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.310.515.193	1.159.489.230
4. Phải trả người lao động	314		24.538.313.309	15.915.336.428
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	511.186.195	327.103.407
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	3.284.363.224	3.817.666.262
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09a	13.888.000.000	33.030.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.553.144.271	848.850.642
II. Nợ dài hạn	330		83.628.000.000	14.806.943.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	300.000.000	300.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.09b	83.328.000.000	14.506.943.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		328.804.039.811	325.922.344.630
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	328.804.039.811	325.922.344.630
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		248.827.850.000	248.827.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		248.827.850.000	248.827.850.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		225.423.555	225.423.555
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		57.173.067.777	47.673.067.777
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.577.698.479	29.196.003.298
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		419.482.350	419.482.350
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.158.216.129	28.776.520.948
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		526.752.232.276	443.502.071.944

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Trần Minh Vũ

Nguyễn Huy Hào

Nguyễn Thị Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (*)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	715.816.770.049	699.399.765.438
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		715.816.770.049	699.399.765.438
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	648.973.108.197	628.895.376.358
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.843.661.852	70.504.389.080
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	4.140.398.488	2.093.501.020
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	1.982.150.969	5.105.032.069
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		1.948.996.294	5.041.509.001
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	40.118.085.713	38.558.829.816
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.883.823.658	28.934.028.215
12. Thu nhập khác	31	VI.05	8.001.125.774	11.164.173.033
13. Chi phí khác	32	VI.06	8.978.569.998	3.592.476.581
14. Lợi nhuận khác	40		(977.444.224)	7.571.696.452
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.906.379.434	36.505.724.667
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09a	5.733.113.875	7.714.154.289
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.09b	15.049.430	15.049.430
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.158.216.129	28.776.520.948
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		22.158.216.129	28.776.520.948
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	748	1.030
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.10	748	1.030

(*) Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước được điều chỉnh hồi tố theo số thực tế đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý trong năm 2025.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Trần Minh Vũ

Nguyễn Huy Hào

Nguyễn Thị Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.906.379.434	36.505.724.667
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		47.545.155.609	55.703.719.745
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		58.105	(3.162.386)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.994.142.071)	(9.854.606.999)
- Chi phí lãi vay	06		1.948.996.294	5.041.509.001
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		73.406.447.371	87.393.184.028
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.891.805.801	(16.823.772.793)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14.108.813.927)	(2.997.620.440)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		30.231.091.665	22.558.582.543
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(223.621.207)	(4.488.434)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.935.034.070)	(5.182.114.945)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.032.755.072)	(7.282.050.268)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.642.556.319)	(2.942.779.695)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		89.586.564.242	74.718.939.996
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(151.974.389.622)	(87.116.363)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	8.076.082.080
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.136.282.294	1.604.180.118
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(147.838.107.328)	9.593.145.835

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

(theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

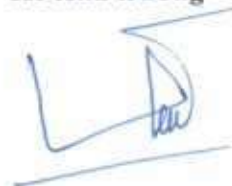
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		97.216.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(47.536.943.000)	(34.772.850.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.889.969.170)	(36.801.745)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		34.789.087.830	(34.809.651.745)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(23.462.455.256)	49.502.434.086
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		88.249.283.257	38.746.832.226
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(58.105)	16.945
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		64.786.769.896	88.249.283.257

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Minh Vũ

Nguyễn Huy Hào

Nguyễn Thị Hiền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex được chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước – Xi nghiệp sửa chữa và vận tải xăng dầu trực thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 151/1999/QĐ-TTG ngày 09 tháng 07 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 09 năm 1999, và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi mới nhất là lần thứ 28 đề ngày 29 tháng 07 năm 2025 (Mã số doanh nghiệp: 0301825283).

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng người lao động của Công ty và Công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 347 người (vào ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 355 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải xăng dầu đường thủy;
- Dịch vụ sửa chữa, nâng cấp phương tiện vận tải thủy, súc rửa tàu; kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ cho ngành; kinh doanh sửa chữa giàn khoan và các thiết bị dầu khí;
- Kinh doanh mua bán các sản phẩm dầu khí;
- Xây dựng, lắp đặt sửa chữa các công trình công nghiệp, dân dụng, công trình thủy, kho xăng dầu; kinh doanh xăng dầu cho các tàu biển, tàu sông;
- Đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển, lai dắt tàu biển; đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, tàu đánh cá; dịch vụ kho bãi, cầu cảng, bến neo đậu tàu;
- Sửa chữa thiết bị, phương tiện đánh bắt thủy sản; đại lý mua bán sản phẩm xăng dầu cho tàu, thuyền nước ngoài. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại thành phố Hồ Chí Minh); san lấp mặt bằng; dịch vụ súc rửa vệ sinh tàu dầu, thu gom xử lý cặn dầu, dầu lẫn nước (không xử lý tại thành phố Hồ Chí Minh); ứng cứu tàu tràn.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: dưới 12 tháng.

5. Cấu trúc tập đoàn:

Tổng số các Công ty con : 1

Số lượng Công ty con được hợp nhất: 1

Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0

Các công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	Đóng tàu và thương mại	10.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

ĐC: Tầng 7, Toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

ĐC: Tầng 7, Toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. Khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

ĐC: Tầng 7, Toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Các tài sản khác	03 - 16 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ vay

Các khoản nợ vay tại thời điểm báo cáo:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là vay ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là vay dài hạn.

Trường hợp khoản nợ vay bằng ngoại tệ thì tại thời điểm cuối kỳ các khoản nợ vay có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

ĐC: Tầng 7, Toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi cổ thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

ĐC: Tầng 7, Toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước);

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong năm. Ngoài ra, còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

ĐC: Tầng 7, Toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

17. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7, Toản nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	541.487.946	625.166.439
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	44.245.281.950	7.624.116.818
Các khoản tương đương tiền (*)	20.000.000.000	80.000.000.000
Cộng	64.786.769.896	88.249.283.257

(*): Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bắc Sài Gòn.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

- Đầu tư cổ phiếu Công ty CP Vận tải XD Đồng Tháp

Cộng

Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác

Giá trị thuần

Cuối năm		Đầu năm	
Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
33.004	327.802.000	33.004	327.802.000
33.004	327.802.000	33.004	327.802.000
-	-	-	-
	327.802.000		327.802.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7, Toàn nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**3. Phải thu của khách hàng**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Các bên liên quan		
<i>Công ty mẹ tối cao</i>		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	3.879.345.681	20.213.590.261
<i>Các Công ty trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
CN Petrolimex Vung Tau - P.SG (Xăng dầu Vũng Tàu)	108.778.336	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Tháp (Xăng Dầu Tiền Giang)	288.661.769	252.214.196
Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex	336.802.240	309.968.124
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	469.995.076	980.094.839
<i>Các bên khác</i>		
Công ty TNHH MTV Dầu Khí Tp.HCM	2.236.587.604	11.646.095.517
Các khách hàng khác	2.649.034.419	1.879.752.808
Cộng	9.969.205.125	35.281.715.745

4. Phải thu khác**a) Phải thu ngắn hạn khác**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Phải thu bảo hiểm bồi thường	2.939.219.194	661.841.205
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	69.041.096	211.181.319
Tạm ứng	146.627.500	25.000.000
Phải thu khác	69.791.824	64.437.822
Cộng	3.224.679.614	962.460.346

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7, Toàn nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Phải thu dài hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	15.630.000	29.650.000
Cộng	15.630.000	29.650.000

5. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	430.716.830	-	-	-
Nhiên liệu, vật liệu	57.528.699.348	-	49.719.512.015	-
Chi phí SXKD dở dang	7.835.602.833	-	1.966.693.069	-
Cộng	65.795.019.011	-	51.686.205.084	-

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm	2.124.362.708	1.895.879.088
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	131.321.517
Cộng	2.124.362.708	2.027.200.605

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Dự án phần mềm ERP	844.000.000	-
Dự án tàu Long Phú 21	207.289.814	-
Cộng	1.051.289.814	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7, Toàn nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	724.111.385	2.448.502.636	780.554.830.620	609.958.756	7.816.638.664	792.154.042.061
Số tăng trong năm	-	474.000.000	140.449.099.808	-	-	140.923.099.808
- Mua trong năm	-	474.000.000	140.449.099.808	-	-	140.923.099.808
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	724.111.385	2.922.502.636	921.003.930.428	609.958.756	7.816.638.664	933.077.141.869
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	724.111.385	2.114.331.623	519.081.708.503	517.728.351	7.527.267.995	529.965.147.857
Số tăng trong năm	-	157.951.944	47.203.152.890	41.412.527	142.638.248	47.545.155.609
- Khấu hao trong năm	-	157.951.944	47.203.152.890	41.412.527	142.638.248	47.545.155.609
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	724.111.385	2.272.283.567	566.284.861.393	559.140.878	7.669.906.243	577.510.303.466
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Tại ngày đầu năm	-	334.171.013	261.473.122.117	92.230.405	289.370.669	262.188.894.204
Tại ngày cuối năm	-	650.219.069	354.719.069.035	50.817.878	146.732.421	355.566.838.403

Cuối năm	Đầu năm
VND	VND
140.411.344.674	172.428.520.812
250.869.066.255	250.824.520.800

- GTCL cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay;

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7, Toán nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Vay và nợ thuê tài chính

9. Vay và nợ thuê tài chính	Cuối năm		Phát sinh trong năm		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	13.888.000.000	13.888.000.000	28.394.943.000	47.536.943.000	33.030.000.000	33.030.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả	13.888.000.000	13.888.000.000	28.394.943.000	47.536.943.000	33.030.000.000	33.030.000.000	
Vay Vietinbank - CN Bắc SG (i), (ii)	13.888.000.000	13.888.000.000	28.394.943.000	33.786.943.000	19.280.000.000	19.280.000.000	
Vay Vietcombank - CN Gia Định (iii)	-	-	-	13.750.000.000	13.750.000.000	13.750.000.000	
	-	-	-	-	-	-	
b) Vay dài hạn	83.328.000.000	83.328.000.000	97.216.000.000	28.394.943.000	14.506.943.000	14.506.943.000	
Vay Vietinbank - CN Bắc SG (i), (ii)	83.328.000.000	83.328.000.000	97.216.000.000	28.394.943.000	14.506.943.000	14.506.943.000	
Cộng	97.216.000.000	97.216.000.000	125.610.943.000	75.931.886.000	47.536.943.000	47.536.943.000	

Chi tiết số dư các khoản vay:

- (i) Khoản vay dài hạn ngân hàng Vietinbank - CN Bắc Sài Gòn theo Hợp đồng vay số 019/2019-HDCVDAT/NHCT948-PJTACO ngày 24 tháng 09 năm 2019 để đầu tư cho dự án mua tàu Long Phú 20. Thời hạn vay là 7 năm. Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Trong năm, khoản vay này đã được tái toán.
- (ii) Khoản vay dài hạn ngân hàng Vietinbank - CN Bắc Sài Gòn theo Hợp đồng vay số 054/2025-HDCVDADT/NHCT948-PJTACO ngày 24 tháng 12 năm 2025 để đầu tư cho dự án mua tàu Long Phú 06. Thời hạn vay là 7 năm. Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Số nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 97.216.000.000 (trong đó 13.888.000.000 đồng là vay dài hạn đến hạn trả).
- (iii) Khoản vay dài hạn ngân hàng Vietcombank - CN Gia Định theo Hợp đồng vay số 0063/GD1.KH/CD21 ngày 12 tháng 03 năm 2021 để đầu tư cho dự án mua tàu Long Phú 16. Thời hạn vay là 57 tháng. Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Trong năm, khoản vay này đã được tái toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7, Toàn nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**9. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)***Các khoản vay dài hạn được trả theo lịch sau:*

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Trong vòng một năm	13.888.000.000	33.030.000.000
Trong năm thứ hai	13.888.000.000	14.506.943.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	41.664.000.000	-
Sau năm năm	27.776.000.000	-
Cộng	97.216.000.000	47.536.943.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở thuyết minh Vay dài hạn đến hạn trả)	13.888.000.000	33.030.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	83.328.000.000	14.506.943.000

10. Phải trả người bán ngắn hạn*Đơn vị tính: VND*

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công ty liên quan		
<i>Các công ty trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn (Xăng dầu Khu vực II)	5.469.950.679	7.736.008.195
Công ty TNHH MTV VITACO Đà Nẵng	4.055.530.705	3.585.916.898
Công ty TNHH MTV Petrolimex Nghệ An (Xăng dầu Nghệ An)	1.734.041.358	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Nai	1.685.795.706	2.908.552.680
Chi nhánh hóa dầu Sài Gòn	925.956.593	-
Công ty bảo hiểm PJICO Gia Định	156.353.699	-
Tổng kho xăng dầu Nhà Bè	23.136.771	1.074.695
CN Cty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng tại Nha Trang	555.661.502	663.000.454
CN Petrolimex Vung Tau - P.SG (Xăng dầu Vũng Tàu)	4.892.938	-
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP	24.626.592	25.359.180
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long	-	60.880.075
Các bên khác		
Công ty TNHH Công nghệ Hàng hải Khánh Cường	6.330.977.489	2.385.597.560
Công ty Cổ phần TMDV Vận tải Long Phú 68	3.312.516.092	2.616.398.945
Các nhà cung cấp khác	37.267.748.365	26.600.549.663
Cộng	61.547.188.489	46.583.338.345

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7, Toản nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND									
	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm				
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp			
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	188.005.357	11.044.516.436	10.637.319.090	-	595.202.703			
Thuế giá trị gia tăng bổ sung (*)	-	-	3.779.090	3.779.090	-	-			
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	777.658.813	777.658.813	-	-			
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	247.088.937	247.088.937	-	-			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	827.374.040	5.712.893.175	6.012.534.372	-	527.732.843			
Thuế TNDN bổ sung (*)	-	-	20.220.700	20.220.700	-	-			
Thuế thu nhập cá nhân	-	144.109.833	1.662.195.527	1.631.430.975	12.705.262	187.579.647			
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	641.402.915	950.588.197	309.185.282	-			
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	505.000.000	505.000.000	-	-			
Cộng	-	1.159.489.230	20.614.755.593	20.785.620.174	321.890.544	1.310.515.193			

(*): Thuế GTGT và thuế TNDN bổ sung là tiền thuế phải nộp cho năm 2024 theo Quyết định số 3364/QĐ-XP/HC, ngày 24/10/2025 của Cục Thuế TP Hồ Chí Minh.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU DƯỠNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7, Toản nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Chi phí lãi vay phải trả	138.499.507	124.537.283
Chi phí trích trước giá vốn	286.760.668	-
Chi phí phải trả khác	85.926.020	202.566.124
Cộng	511.186.195	327.103.407

13. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	1.214.277.418	1.619.183.925
BHXH, BHYT và BHTN	1.931.731	1.563.931
Cổ tức phải trả	1.237.375.743	1.197.673.913
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	830.778.332	999.244.493
Cộng	3.284.363.224	3.817.666.262

b) Phải trả dài hạn khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	300.000.000	300.000.000
Cộng	300.000.000	300.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐUỐNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7, Toán nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	230.407.170.000	225.423.555	47.073.067.777	21.223.701.505	298.929.362.837
Lợi nhuận tăng trong năm trước				28.776.520.948	28.776.520.948
Phân phối lợi nhuận năm trước	18.420.680.000		600.000.000	(20.804.219.155)	(1.783.539.155)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển			600.000.000	(600.000.000)	-
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi				(1.783.539.155)	(1.783.539.155)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	18.420.680.000			(18.420.680.000)	-
Số dư cuối năm trước	248.827.850.000	225.423.555	47.673.067.777	29.196.003.298	325.922.344.630
Số dư đầu năm nay	248.827.850.000	225.423.555	47.673.067.777	29.196.003.298	325.922.344.630
Lợi nhuận tăng trong năm nay				22.158.216.129	22.158.216.129
Phân phối lợi nhuận trong năm nay (*)			9.500.000.000	(28.776.520.948)	(19.276.520.948)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển			9.500.000.000	(9.500.000.000)	-
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi				(4.046.849.948)	(4.046.849.948)
- Quỹ thưởng người Quản lý: HĐQT và BKS				(300.000.000)	(300.000.000)
- Chia cổ tức bằng tiền				(14.929.671.000)	(14.929.671.000)
Số dư cuối năm nay	248.827.850.000	225.423.555	57.173.067.777	22.577.698.479	328.804.039.811

(*): Phân phối lợi nhuận trong năm theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 đề ngày 22/04/2025; Nghị Quyết số 07/PJT-NQ-HDQT ngày 16/05/2025 và Quyết định số 22/PJT-QĐ-HDQT đề ngày 26/05/2025 của Hội đồng Quản trị công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7, Toàn nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	VND
Tổng Công ty Vận Tải Thủy Petrolimex	51,22%	127.461.890.000	51,22%	127.461.890.000
Vốn góp của các đối tượng khác	48,78%	121.365.960.000	48,78%	121.365.960.000
Cộng	100%	248.827.850.000	100%	248.827.850.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp đầu năm	248.827.850.000	230.407.170.000
Vốn góp tăng trong năm	-	18.420.680.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	248.827.850.000	248.827.850.000
Thặng dư vốn đầu năm	225.423.555	225.423.555
Thặng dư vốn tăng trong năm	-	-
Thặng dư vốn giảm trong năm	-	-
Thặng dư vốn cuối năm	225.423.555	225.423.555
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.929.671.000	18.420.680.000

d) Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	24.882.785	24.882.785
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	24.882.785	24.882.785
- Cổ phiếu phổ thông	24.882.785	24.882.785
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.882.785	24.882.785
- Cổ phiếu phổ thông	24.882.785	24.882.785

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e) Các quỹ của doanh nghiệp	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	57.173.067.777	47.673.067.777
Cộng	57.173.067.777	47.673.067.777

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7, Toàn nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

15. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại: - USD	666,82	666,03

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

a) Doanh thu	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	-	780.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	715.816.770.049	699.398.985.438
Cộng	715.816.770.049	699.399.765.438

b) Doanh thu đối với các bên liên quan	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
<i>Công ty mẹ tối cao</i>		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>	532.687.011.613	495.755.986.054
<i>Các Công ty trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
<i>Công ty Petrolimex Sài Gòn-TNHH MTV (XD KV II)</i>	1.064.590.617	-
<i>CN Petrolimex Vũng Tàu - P.SG</i>	456.918.391	-
<i>Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Tháp (Xăng Dầu Tiền Giang)</i>	4.412.628.690	4.268.945.584
<i>Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Trị (Xăng Dầu Quảng Bình)</i>	-	95.807.186
<i>Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex</i>	10.976.101.851	12.252.322.538
<i>Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore</i>	3.738.577.631	9.383.527.030
<i>Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn</i>	6.036.521.244	1.410.967.605
Cộng	559.372.350.037	523.167.555.997

2. Giá vốn hàng bán	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	780.000
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	648.973.108.197	628.894.596.358
Cộng	648.973.108.197	628.895.376.358

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.954.537.271	1.738.920.119
Cổ tức, lợi nhuận được chia	39.604.800	39.604.800
Lãi chênh lệch tỷ giá	146.256.417	314.976.101
Cộng	4.140.398.488	2.093.501.020

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7, Toàn nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.948.996.294	5.041.509.001
Lỗ chênh lệch tỷ giá	33.154.675	63.523.068
Cộng	1.982.150.969	5.105.032.069
5. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	8.076.082.080
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	7.647.687.363	2.533.692.141
Thu nhập khác	353.438.411	554.398.812
Cộng	8.001.125.774	11.164.173.033
6. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	34.716.010	336.495.398
Chi phí bảo hiểm bồi thường	8.861.234.561	2.921.977.024
Chi phí khác	82.619.427	334.004.159
Cộng	8.978.569.998	3.592.476.581
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí vật liệu quản lý	282.592.218	1.179.723.003
Chi phí nhân viên quản lý	24.685.351.838	21.259.666.651
Chi phí khấu hao	788.473.743	654.604.293
Chi phí mua ngoài	6.258.736.177	6.064.258.851
Chi phí khác	8.102.931.737	9.400.577.018
Cộng	40.118.085.713	38.558.829.816

T.T.N.H.H.★N.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7, Toàn nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	330.304.419.240	335.447.059.154
Chi phí nhân công	104.665.258.456	90.799.968.384
Chi phí khấu hao TSCĐ	47.545.155.609	55.703.719.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	202.718.984.199	174.211.533.414
Chi phí khác bằng tiền	9.726.286.170	11.423.483.949
Cộng	694.960.103.674	667.585.764.646

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty và Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

a) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.712.893.175	7.522.802.298
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung (*)	20.220.700	191.351.991
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.733.113.875	7.714.154.289

(*) Thuế TNDN bổ sung là tiền thuế phải nộp cho năm 2024 theo Quyết định số 3364/QĐ-XP/HCH, ngày 24/10/2025 Của Cục Thuế TP Hồ Chí Minh.

b) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ giao dịch mua sắm tài sản cố định nội bộ (*)	15.049.430	15.049.430
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại phát sinh đánh giá lại số dư tiền và nợ phải thu tại ngày cuối năm	-	-
Cộng chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	15.049.430	15.049.430

(*): Trong năm 2019 Công ty con đã đóng mới một tàu sông cho Công ty mẹ làm tài sản cố định, do đó làm phát sinh Thu nhập/Chi phí thuế TNDN hoãn lại và Tài sản thuế thu nhập DN hoãn lại. Khoản thuế TNDN hoãn lại này được ghi nhận trên cơ sở lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện nhân với thuế suất thuế TNDN hiện đang áp dụng là 20%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7, Toàn nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước(*)
		Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.158.216.129	28.776.520.948
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	(3.545.314.580)	(4.346.849.948)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm (*)	3.545.314.580	4.346.849.948
Lợi nhuận phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	18.612.901.549	24.429.671.000
Số CP phổ thông lưu hành đầu năm	24.882.785	23.040.717
Ảnh hưởng của số CP phát hành trong năm	-	669.385
Số CP phổ thông lưu hành bình quân trong năm	24.882.785	23.710.102
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP) (*)	748	1.030
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đ/CP) (**)	748	1.030

(*): Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trong năm nay là phần tạm tính sẽ trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ 15% và Quỹ thưởng Người quản lý 1% lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2025 theo Kế hoạch tài chính năm 2026 của Công ty.

Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước được điều chỉnh hồi tố do thay đổi số liệu trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2024. Theo đó, số ước tính đã trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2024 là 3.900.000.000 đồng, trong khi số thực tế trích các quỹ là 4.346.849.948 đồng. Khoản chênh lệch tăng thêm 446.849.948 đồng dẫn đến Lãi trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 giảm 19 đồng/CP (từ 1.049 đồng/CP xuống còn 1.030 đồng/CP)

(**): Không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Đơn vị tính: VND

Trong năm, ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ quan trọng với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (không gồm VAT)
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ tối cao	Hao hụt hàng hóa trong kỳ	367.096.853
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	Công ty mẹ	Chia cổ tức bằng tiền Chi phí bảo trì phần mềm	7.647.713.400 15.000.000
Công ty Petrolimex Sài Gòn-TNHH MTV (XD KV II)	Bên liên quan	Mua nhiên liệu	113.181.200.477

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7, Toàn nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (không gồm VAT)
CN Petrolimex Vung Tau - P.SG	Bên liên quan	Mua nhiên liệu	46.928.288.693
		Chi phí dịch vụ	55.151.885
Công ty TNHH MTV Petrolimex Nghệ An (Xăng dầu Nghệ An)	Bên liên quan	Mua nhiên liệu	88.085.188.959
Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Nai	Bên liên quan	Mua nhiên liệu	7.805.050.610
Chi nhánh hóa dầu Sài Gòn	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	3.943.788.696
Công ty bảo hiểm PJICO Gia Định	Bên liên quan	Mua dịch vụ bảo hiểm	15.298.082.635
		Thu hồi bảo hiểm bồi thường	6.184.834.414
Công ty Cổ phần Gas Petrolimex	Bên liên quan	Chi phí thuê văn phòng	2.455.144.758
		Mua nhiên liệu	243.738.000
Tổng kho xăng dầu Nhà Bè	Bên liên quan	Mua dịch vụ	206.773.698
CN Cty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	Bên liên quan	Mua dịch vụ	8.998.074.614
CN Cty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng tại Nha Trang	Bên liên quan	Mua dịch vụ	1.034.545.412
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long	Bên liên quan	Mua dịch vụ	177.777.792
Cảng dầu B12	Bên liên quan	Mua nhiên liệu	4.321.240.000
Công ty Bảo hiểm PJICO Bình Định	Bên liên quan	Mua dịch vụ	18.000.000
Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex	Bên liên quan	Mua phần mềm	844.000.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Đà Nẵng	Bên liên quan	Mua nhiên liệu	2.012.042.200
Công ty TNHH MTV Petrolimex Gia Lai	Bên liên quan	Mua nhiên liệu	5.235.432.543
		Hàng hóa khác	5.340.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Khánh Hòa	Bên liên quan	Mua nhiên liệu	2.653.045.150
Công ty TNHH MTV Petrolimex Cần Thơ	Bên liên quan	Mua nhiên liệu	8.118.378.008
		Hàng hóa khác	80.927.990
Công ty CP VT&DV Petrolimex Hai Phong	Bên liên quan	Mua dịch vụ	10.350.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX
 Đc: Tầng 7, Toàn nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

1. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt trong năm như sau:

Hội đồng quản trị		Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác			
Ông Ngô Anh Dũng	Chủ tịch	1.176.466.024	884.096.003
Bà Đặng Thị Xuân Hương	Thành viên	-	58.240.000
Bà Nguyễn Thị Hiền (*)	Thành viên	84.992.000	-
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên	122.880.000	109.440.000
Ông Đàm Trọng Nghĩa	Thành viên	122.880.000	109.440.000
Ông Nguyễn Tuấn Hưng	Thành viên	140.434.000	124.842.000
Ông Đỗ Hữu Nam	Thành viên	135.642.000	79.573.333
Ông Phan Anh Đức	Thành viên	547.127.275	513.615.665
Cộng		2.330.421.299	1.879.247.001

(*): Bà Nguyễn Thị Hiền là thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 22/04/2025.

Ban kiểm soát		Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Thù lao			
Ông Hoàng Anh Tuấn	Trưởng ban	140.434.000	121.096.000
Ông Trần Văn Trọng (*)	Thành viên	502.025.874	84.767.000
Ông Phạm Ngọc Sinh	Thành viên	98.304.000	84.767.000
Cộng		740.763.874	290.630.000

(*): Thu nhập trong năm của Ông Trần Văn Trọng gồm tiền thù lao, tiền lương, thưởng và các khoản phúc lợi, Năm trước chỉ có tiền thù lao.

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng		Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Lương, thưởng và phúc lợi khác			
Bà Nguyễn Thị Hiền (*)	Tổng Giám đốc	940.359.694	682.544.002
Bà Đặng Thị Xuân Hương	Tổng Giám đốc	-	574.166.000
Ông Đàm Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	815.448.789	675.556.004
Ông Nguyễn Duy Hải	Phó Tổng Giám đốc	815.398.789	675.556.004
Ông Phạm Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc	815.448.789	663.900.004
Ông Nguyễn Huy Hào (**)	Kế Toán Trưởng	585.694.324	42.400.000
Cộng		3.972.350.385	3.314.122.014

(*) Bà Nguyễn Thị Hiền: Tổng Giám đốc từ 01/5/2025 đến nay; Phó Tổng Giám đốc từ 01/03/2024 đến 30/04/2025) và Kế toán trưởng đến 29/02/2024.

(**) Ông Nguyễn Huy Hào: làm Kế toán trưởng từ 01/12/2024 đến nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7, Toàn nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**2. Báo cáo bộ phận****a/ Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Trong năm Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và công ty con là dịch vụ vận tải và dịch vụ sửa chữa, đóng mới tàu do đó Báo cáo tài chính bộ phận trong kỳ được phân theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh Hàng hóa	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ Sửa chữa và Đóng tàu	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng	-	676.137.947.778	51.789.927.412	727.927.875.190
Doanh thu giữa các bộ phận			(12.111.105.141)	(12.111.105.141)
Giá vốn	-	614.615.585.550	34.357.522.647	648.973.108.197
Lợi nhuận gộp	-	61.522.362.228	5.321.299.624	66.843.661.852
Kết quả bộ phận				
Chi phí BH & CPQL	-	36.169.912.086	3.948.173.627	40.118.085.713
Kết quả hoạt động kinh doanh	-	25.352.450.142	1.373.125.997	26.725.576.139
Doanh thu tài chính				4.140.398.488
Chi phí tài chính				1.982.150.969
Thu nhập khác				8.001.125.774
Chi phí khác				8.978.569.998
CP thuế TNDN				5.733.113.875
CP thuế TNDN hoãn lại				15.049.430
Tổng lợi nhuận sau thuế				22.158.216.129

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh Hàng hóa	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ Sửa chữa và Đóng tàu	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	-	505.153.445.227	21.255.355.049	526.408.800.276
Các khoản đầu tư		327.802.000		327.802.000
Tài sản không phân bổ		15.630.000		15.630.000
Tổng Tài sản				526.752.232.276
Nợ phải trả bộ phận	-	180.764.452.327	15.630.595.867	196.395.048.194
Nợ phải trả không phân bổ		1.350.789.606	202.354.665	1.553.144.271
Tổng Nợ phải trả				197.948.192.465

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7, Toàn nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:**

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh Hàng hóa	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ Sửa chữa và Đóng tàu	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng	-	666.697.810.742	40.748.827.228	707.446.637.970
Doanh thu giữa các bộ phận			(8.690.622.334)	(8.690.622.334)
Giá vốn	-	601.450.474.887	26.801.151.669	628.251.626.556
Lợi nhuận gộp	-	65.247.335.855	5.257.053.225	70.504.389.080
Chi phí bán hàng & CPQL	-	35.154.958.012	3.353.770.258	38.508.728.270
Kết quả hoạt động kinh doanh	-	30.092.377.843	1.903.282.967	31.995.660.810
Doanh thu tài chính				2.093.501.020
Chi phí tài chính				5.105.032.069
Thu nhập khác				11.164.173.033
Chi phí khác				3.592.476.581
CP thuế TNDN				7.714.154.289
CP thuế TNDN hoãn lại				15.049.430
Tổng lợi nhuận sau thuế				28.826.622.494

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Loại trừ nội bộ và điều HN	Dịch vụ Vận tải	Dịch vụ Sửa chữa và Đóng tàu	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	(3.485.412.972)	427.994.351.985	18.665.330.931	443.174.269.944
Tài sản không phân bổ				327.802.000
Tổng Tài sản				443.502.071.944
Nợ phải trả bộ phận	(3.219.539.694)	113.575.666.605	6.374.749.761	116.730.876.672
Nợ phải trả không phân bổ				848.850.642
Tổng Nợ phải trả				117.579.727.314

b/ Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chủ yếu phát sinh doanh thu trong khu vực địa lý Việt Nam, doanh thu ngoài khu vực địa lý Việt Nam không đáng kể nên không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7, Toàn nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Công cụ tài chính

a) Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính	Cuối năm	
	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.786.769.896	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.047.257.239	-
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn/dài hạn	15.630.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn/dài hạn	327.802.000	-
Cộng	78.177.459.135	-

	Đầu năm	
	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND
	88.249.283.257	-
	36.219.176.091	-
	29.650.000	-
	327.802.000	-
	124.825.911.348	-

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi số	
	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	63.617.274.295	48.781.820.682
Chi phí phải trả	511.186.195	327.103.407
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn/dài hạn	300.000.000	300.000.000
Các khoản nợ vay	97.216.000.000	47.536.943.000
Cộng	161.644.460.490	96.945.867.089

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7, Toàn nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Tài sản đảm bảo

Giá trị còn lại của tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác vào ngày đầu năm và ngày cuối năm như sau:

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
TSCĐ hữu hình - Phương tiện vận tải	140.411.344.674	172.428.520.812
Cộng	140.411.344.674	172.428.520.812

c) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan: Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính là:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

c.1) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.

Các khoản nợ xấu (nếu có) đã được kiểm soát và lập dự phòng đầy đủ.

c.2) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các năm hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7, Toàn nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống	Từ trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm	78.016.460.490	55.852.000.000	27.776.000.000	161.644.460.490
Các khoản vay	13.888.000.000	55.552.000.000	27.776.000.000	97.216.000.000
Phải trả người bán	61.547.188.489	-	-	61.547.188.489
Phải trả khác	2.070.085.806	300.000.000	-	2.370.085.806
Chi phí phải trả	511.186.195	-	-	511.186.195
Số đầu năm	82.138.924.089	14.806.943.000	-	96.945.867.089
Các khoản vay	33.030.000.000	14.506.943.000	-	47.536.943.000
Phải trả người bán	46.583.338.345	-	-	46.583.338.345
Phải trả khác	2.198.482.337	300.000.000	-	2.498.482.337
Chi phí phải trả	327.103.407	-	-	327.103.407

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

c.3) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7, Toàn nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

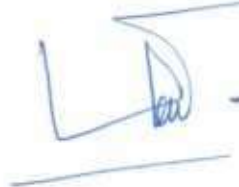
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Trần Minh Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Hào



Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thị Hiền

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Consolidated Financial Statements

For the year ended 31 December 2025 audited by

NVA AUDITING COMPANY LIMITED



INDEX

Contents	Page No.
REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT	02 - 03
INDEPENDENT AUDITORS' REPORT	04 - 05
CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS	
Consolidated Balance Sheet	06 - 07
Consolidated Income Statement	08
Consolidated Cash Flows Statement	09 - 10
Notes to the Consolidated Financial Statements	11 - 39

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANYAddress: 7th Floor, Building No. 322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City**REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT**

The Board of Management of Petrolimex Joint Stock Tanker Company (the “Company”) presents this statement and the accompanying Consolidated financial statements of the Company and its subsidiary for the year ended 31 December 2025.

General

Petrolimex Joint Stock Tanker Company was transferred from the State-owned enterprise namely Waterway Repair and Petroleum Transportation Enterprise under Vietnam Tanker Joint Stock Company (“Vitaco”) in accordance with the Prime Minister’s Decision No. 151/1999/QĐ-TTĐ dated 9 July 1999. Business Registration Certificate No. 063350 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 30 September 1999, and subsequent amended Enterprise Registration Certificates. The latest change in the Enterprise Registration Certificate is the No. 28th dated 29 July 2025 (The Enterprise Code is 0301825283).

Company’s Address: 7th Floor, Building No. 322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City.

Consolidated subsidiary:

Name	Business field	Charter capital (Million VND)	Ownership ratio (%)
Petrolimex Shipbuilding and Commercial One Member Co., Ltd.	Shipbuilding and Commercial	10.000	100%

Events since the balance sheet date

In January 2026, the company purchased one vessel (name: Long Phu 21) at an original cost of nearly VND 96,78 billion to supplement its fleet. The financing for the vessel purchase was 31% from equity capital and 69% from long-term loans from VCB – Gia Dinh Branch. Beside that, there have been no significant financial events occurring after the balance sheet date which would require adjustments or disclosures to be made in the Consolidated financial statements for the year ended 31st December 2025.

Board of Directors; Board of Management and Supervisory Board
during the year and as at the date of this report are:

Board of Directors:

Mr. Ngo Anh Dung	Chairman	From date: 22/04/2025
Mrs. Nguyen Thi Hien	Member	
Mr. Nguyen Duy Hai	Member	
Mr. Dam Trong Nghia	Member	
Mr. Nguyen Tuan Hung	Member	
Mr. Do Huu Nam	Member	
Mr. Phan Anh Duc	Member	

Board of Management:

Mrs. Nguyen Thi Hien	Deputy General Director incharge	Until date : 30/04/2025
Mrs. Nguyen Thi Hien	General Director	From date: 01/05/2025
Mr. Dam Trong Nghia	Deputy General Director	
Mr. Nguyen Duy Hai	Deputy General Director	
Mr. Pham Van Toan	Deputy General Director	

Supervisory Board:

Mr. Hoang Anh Tuan	Head of Supervisory Board
Mr. Tran Van Trong	Member
Mr. Pham Ngoc Sinh	Member

REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT (Continued)

Legal Representative:

Legal representative of the Company during the year and as at the date of this report are:

Mr. Ngo Anh Dung – Chairman.

Ms. Nguyen Thi Hien - General Director (From 22/05/2025).

Auditors

NVA Auditing Company Limited has performed the audit on the financial statements for the year ended 31 December 2025 of the company.

Statement of the Board of Management's responsibility in respect of the Consolidated financial Statements

The Board of Management is responsible for the Consolidated financial statements which give a true and fair view of the financial positions of the Company as at 31 December 2025 and of its operation results and cash flows for the year then ended. In preparing those financial statements, the Board of Management is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- Indicate whether the accounting standards applied to the Company have been complied with and all material misstatements (if any) have been disclosed and explained in the Consolidated financial statements;
- Prepare the Consolidated financial statements on going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business;
- Establish and implement an effective internal control system to mitigate the risks of material misstatement, whether due to fraud or error, in the preparation and presentation of the Consolidated financial statements.

The Board of Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclosed, with reasonable accuracy at any time, the financial position of Company and to ensure that the accounting records comply with the registered accounting system. It is responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other violations.

The Board of Management hereby approve the accompanying Consolidated financial statements set out on pages 06 to 39 and commits that the Consolidated financial statements give true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2025, and of the results of operations and cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements related to the preparation and presentation of financial statements

Ho Chi Minh City, Date: 15 March 2026

On behalf of the board of Management



Nguyen Thi Hien

General Director

No: 20.06.2.4/25/BCTC/NVA

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

**To: The Shareholders, The Board of Directors and The Board of Management
Petrolimex Joint Stock Tanker Company**

We have audited the Consolidated financial statements of Petrolimex Joint Stock Tanker Company and its subsidiary ("the Company") prepared on March 15, 2026, including the Consolidated balance sheet as at 31 December 2025, the Consolidated Income statement, the Consolidated Cash flow statement for the year then ended and the Notes to the Consolidated Financial statements.

The Board of Management's responsibility

The Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of these Consolidated Financial Statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System and applicable regulations in Vietnam. This responsibilities includes: designing, implementing and maintaining internal controls relevant to the preparation and fair presentation of Consolidated financial statements that are free from material misstatement, where due to fraud or error.

Auditor's responsibilities

Our responsibility is to express an opinion on these Consolidated Financial Statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit in order to obtain reasonable assurance as to whether the financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Consolidated Financial Statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including an assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or an error. In making those risk assessments, the auditor considers internal controls relevant to the entity's preparation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal controls. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of these Consolidated Financial Statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provides a reasonable basis for our audit opinion.

Auditor's opinion

In our opinion, the accompanying Consolidated Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of Petrolimex Joint Stock Tanker Company and its subsidiary as at 31 December 2025, and of the results of its operations and its cash flow for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

Other Matter

The Company's Consolidated Financial Statements for the year ended 31 December 2024 were audited by another auditor who expressed an unqualified opinion on those statements in their audit report dated 24 March 2025.

Ho Chi Minh City, Date: 15 March 2026

NVA AUDITING COMPANY LIMITED

Deputy General Director



Nguyễn Thị Cúc

Practicing Auditor Registration

Certificate No: 0700-2023-152-1

Auditor

Le Thi Nhu Ngoc

Practicing Auditor Registration

Certificate No: 4799-2024-152-1

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As at 31 December, 2025

Unit: VND

Items	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
A - CURRENT ASSETS	100		169.612.794.065	180.889.257.420
I. Cash and cash equivalents	110	V.01	64.786.769.896	88.249.283.257
1. Cash	111		44.786.769.896	8.249.283.257
2. Cash equivalents	112		20.000.000.000	80.000.000.000
II. Short-term investments	120		-	-
III. Short-term accounts receivable	130		23.270.174.739	37.352.850.415
1. Trade receivables	131	V.03	9.969.205.125	35.281.715.745
2. Advances to suppliers	132		10.076.290.000	1.108.674.324
3. Other short-term receivables	136	V.04a	3.224.679.614	962.460.346
IV. Inventory	140	V.05	65.795.019.011	51.686.205.084
1. Inventory	141		65.795.019.011	51.686.205.084
V. Other current assets	150		15.760.830.419	3.600.918.664
1. Short-term prepaid expenses	151	V.06	2.124.362.708	2.027.200.605
2. VAT deductibles	152		13.314.577.167	1.573.718.059
3. Taxes and other receivable from the State	153	V.11	321.890.544	-
B - NON- CURRENT ASSETS	200		357.139.438.211	262.612.814.524
I. Long-term accounts receivable	210		15.630.000	29.650.000
1. Other Long-term receivables	216	V.04b	15.630.000	29.650.000
II. Fixed assets	220		355.566.838.403	262.188.894.204
1. Tangible fixed assets	221	V.08	355.566.838.403	262.188.894.204
- Cost	222		933.077.141.869	792.154.042.061
- Accumulated depreciation	223		(577.510.303.466)	(529.965.147.857)
III. Investment property	230		-	-
IV. Long term work in progress assets	240		1.051.289.814	-
1. Capital construction in process	242	V.07	1.051.289.814	-
V. Long-term financial investments	250	V.02	327.802.000	327.802.000
1. Equity investments in other entities	253		327.802.000	327.802.000
VI. Other long-term assets	260		177.877.994	66.468.320
1. Long-term prepaid expenses	261		126.459.104	-
2. Deferred Tax Assets	262	V.08	51.418.890	66.468.320
TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270		526.752.232.276	443.502.071.944

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

CONSOLIDATED BALANCE SHEET (Continued)

As at 31 December, 2025

Unit: VND

Items	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
C - LIABILITIES	300		197.948.192.465	117.579.727.314
I. Current Liabilities	310		114.320.192.465	102.772.784.314
1. Short-term supplier payables	311	V.10	61.547.188.489	46.583.338.345
2. Short-term Advance from customers	312		7.687.481.784	1.091.000.000
3. Taxes and other payables to the State Budget	313	V.11	1.310.515.193	1.159.489.230
4. Payables to employees	314		24.538.313.309	15.915.336.428
5. Short-term accrued expenses	315	V.12	511.186.195	327.103.407
6. Other short-term payables	319	V.13a	3.284.363.224	3.817.666.262
7. Short-term loans and finance lease liabilities	320	V.09a	13.888.000.000	33.030.000.000
8. Bonus and welfare fund	322		1.553.144.271	848.850.642
II. Long-term liabilities	330		83.628.000.000	14.806.943.000
1. Other non-current payables	337	V.13b	300.000.000	300.000.000
2. Long-term loans and finance lease liabilities	338	V.09b	83.328.000.000	14.506.943.000
D - OWNER'S EQUITY	400		328.804.039.811	325.922.344.630
I. Owner's equity	410	V.14	328.804.039.811	325.922.344.630
1. Contributions from owners	411		248.827.850.000	248.827.850.000
- Ordinary shares with voting right	411a		248.827.850.000	248.827.850.000
- Preferred shares	411b		-	-
2. Share premium	412		225.423.555	225.423.555
3. Investment and development fund	418		57.173.067.777	47.673.067.777
4. Retained profits	421		22.577.698.479	29.196.003.298
- Retained profits brought forward	421a		419.482.350	419.482.350
- Profit for the current year retained	421b		22.158.216.129	28.776.520.948
II. Non-Business Expenditure Fund and other	430		-	-
TOTAL RESOURCES (440 = 300 + 400)	440		526.752.232.276	443.502.071.944

Ho Chi Minh City, Date: 15 March 2026

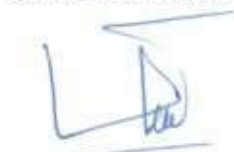
Prepared by

Chief Accountant

General Director



Tran Minh Vu



Nguyen Huy Hao




Nguyen Thi Hien

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

Year 2025

Unit: VND

Items	Code	Note	Current year	Previous year (*)
1. Revenue from sale of goods and rendering of services	01	VI.01	715.816.770.049	699.399.765.438
2. Revenue deductions	02		-	-
3. Net revenue from sale of goods and rendering of services	10		715.816.770.049	699.399.765.438
4. Cost of goods sold	11	VI.02	648.973.108.197	628.895.376.358
5. Gross profit from sale of goods and rendering of services	20		66.843.661.852	70.504.389.080
6. Financial income	21	VI.03	4.140.398.488	2.093.501.020
7. Financial expenses	22	VI.04	1.982.150.969	5.105.032.069
- In which: Interest expenses	23		1.948.996.294	5.041.509.001
9. Selling expenses	25		-	-
10. Administration expenses	26	VI.07	40.118.085.713	38.558.829.816
11. Net profit from operating activities	30		28.883.823.658	28.934.028.215
12. Other income	31	VI.05	8.001.125.774	11.164.173.033
13. Other expenses	32	VI.06	8.978.569.998	3.592.476.581
14. Other profit	40		(977.444.224)	7.571.696.452
15. Profit before tax	50		27.906.379.434	36.505.724.667
16. Corporate income tax - Current	51	VI.09a	5.733.113.875	7.714.154.289
17. Corporate income tax - Deferred	52	VI.09b	15.049.430	15.049.430
18. Profit after tax	60		22.158.216.129	28.776.520.948
19. Attributable to Equity holders of the Company	61		22.158.216.129	28.776.520.948
21. Basic earnings per share (*)	70	VI.10	748	1.030
22. Diluted earnings per share (*)	71	VI.10	748	1.030

(*): The basic earnings per share and diluted EPS from prior year are retroactively adjusted based on the amounts of the year 2024's profit deducted for employee bonuses, welfare funds, and management bonuses which were recorded in 2025

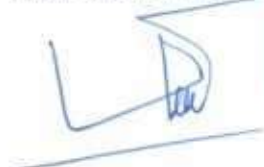
Ho Chi Minh City, Date: 15 March 2026

Prepared by



Tran Minh Vu

Chief Accountant



Nguyen Huy Hao

General Director




Nguyen Thi Hien

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

CONSOLIDATED CASH FLOWS STATEMENT*(Indirect method)***Year 2025***Unit: VND*

Items	Code	Note	Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit before tax	01		27.906.379.434	36.505.724.667
2. Adjustments for				
- Depreciation	02		47.545.155.609	55.703.719.745
- Exchange gains/(loss) arising from revaluation of monetary items denominated in foreign	04		58.105	(3.162.386)
- Gains/losses from investing activities	05		(3.994.142.071)	(9.854.606.999)
- Interest expenses	06		1.948.996.294	5.041.509.001
3. Profit from operating activities before changes in working capital	08		73.406.447.371	87.393.184.028
- Increase/Decrease in receivables	09		1.891.805.801	(16.823.772.793)
- Increase/Decrease in inventory	10		(14.108.813.927)	(2.997.620.440)
- Increase/Decrease in payables (excluding interest payables, business income tax payables)	11		30.231.091.665	22.558.582.543
- Increase/Decrease in prepaid expenses	12		(223.621.207)	(4.488.434)
- Interest paid	14		(1.935.034.070)	(5.182.114.945)
- Business income tax paid	15		(6.032.755.072)	(7.282.050.268)
- Other payments for operating activities	17		(3.642.556.319)	(2.942.779.695)
<i>Net cash flows from operating activities</i>	20		79.586.564.242	74.718.939.996
II. Cash flow from investing activities				
1. Payments for additions to fixed assets	21		(141.974.389.622)	(87.116.363)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	22		-	8.076.082.080
3. Interest, dividends and profit received	27		4.136.282.294	1.604.180.118
<i>Net cash flows from investing activities</i>	30		(137.838.107.328)	9.593.145.835

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

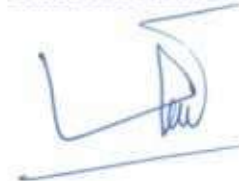
CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

CONSOLIDATED CASH FLOWS STATEMENT (Continued)*(Indirect method)***Year 2025***Unit: VND*

Items	Code	Note	Current year	Previous year
III. Cash flows from financing activities				
1. Long-term and short-term borrowings received	33		97.216.000.000	-
2. Loan repayment	34		(47.536.943.000)	(34.772.850.000)
3. Dividends, profit paid to equity owners	36		(14.889.969.170)	(36.801.745)
<i>Net cash flows from financing activities</i>	40		34.789.087.830	(34.809.651.745)
Net cash flows within the period	50		(23.462.455.256)	49.502.434.086
Cash and cash equivalents at the beginning of year	60		88.249.283.257	38.746.832.226
Effect of exchange rate fluctuations	61		(58.105)	16.945
Cash and cash equivalents at the end of the period	70		64.786.769.896	88.249.283.257

*Ho Chi Minh City, Date: 15 March 2026***Prepared by**

Tran Minh Vu**Chief Accountant**

Nguyen Huy Hao**General Director****Nguyen Thi Hien**

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANYAddress: 7th Floor, Building No. 322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

Consolidated Financial Statements

For the year ended 31 December 2025

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

Year 2025

I. BACKGROUND OF THE COMPANY**1. Investment form**

Petrolimex Joint Stock Tanker Company ("the Company") was transferred from the State-owned enterprise namely Waterway Repair and Petroleum Transportation Enterprise under Vietnam Tanker Joint Stock Company ("Vitaco") in accordance with the Prime Minister's Decision No. 151/1999/QĐ-TTG dated 9 July 1999.

Business Registration Certificate No. 063350 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 30 September 1999, and subsequent amended Enterprise Registration Certificates.

The latest change in the Enterprise Registration Certificate is the No. 28th dated 29 July 2025 (The Enterprise Code is 0301825283).

Company's Address: 7th Floor, Building No. 322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City.

Employees: The number of employees of the Company at 31 December 2025 is 347 people (at 01/01/2025 is 355 people)

2. Business field: Trading and Services.**3. Principal activities**

The principal activities of the Company are:

- Transport petroleum by waterway;
- Repair, upgrade and clean waterway transportation means; supply materials and equipment for the industry; repair drilling rigs and petroleum equipment;
- Trade petroleum products;
- Construct, install and repair industrial and civil works, hydraulic works, petroleum depots; trade petroleum for seagoing and river vessels;
- Act as a shipping agency, supply seagoing vessels, tow seagoing vessels, repair waterway transportation means, fishing vessels; provide warehouse, wharf and mooring services; and
- Repair fishing equipment and means; act as an agent for buying and selling petroleum products for foreign ships; produce and sell construction materials (not produced in Ho Chi Minh City); site levelling; provide oil tanker cleaning services, collection and treatment of oil residue, oil mixed with water (not treated in Ho Chi Minh City); and provide spill response services.

4. Normal operating cycle: within 12 months.**5. Company's structure:**

Total number of subsidiaries: 1

Number of consolidated subsidiaries: 1

Number of non-consolidated subsidiaries: 0

During the year and until the date of this report, the Subsidiary of the company is:

Name	Business field	Charter capital (Million VND)	Ownership Ratio (%)
Petrolimex Shipbuilding and Commercial One Member Co., Ltd.	Shipbuilding and trading	10.000	100%

II. ACCOUNTING PERIOD, ACCOUNTING AND PRESENTATION CURRENCY**1. Annual Accounting Period:**

Annual Accounting period of the company is from 1st January and ends on 31st December.

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No. 322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

Consolidated Financial Statements

For the year ended 31 December 2025

2. Accounting and presentation currency:

The Company maintains its accounting records and presentations its financial statements in VND

III. ACCOUNTING STANDARDS AND ACCOUNTING SYSTEM

1. Accounting Standards and System

The company applies the Vietnamese Accounting System for Enterprises issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014, Circular No. 202/2014/TT-BTC dated December 22, 2014, and Vietnamese accounting standards issued by the Ministry of Finance and their accompanying amendments, supplements, and implementation guidelines in the preparation and presentation of financial statements.

2. Announcement on compliance with Vietnamese standards and accounting system

The Board of Management ensures to follow all the requirements of Vietnamese Accounting Standards and Vietnamese Accounting System for Enterprises issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, Circular No. 202/2014/TT-BTC dated December 22, 2014, and their accompanying amendments, supplements, and implementation guidelines in the preparation and presentation of financial statements.

IV. ACCOUNTING PRINCIPLES

1. Basis of consolidation

Subsidiaries

Subsidiaries are entities controlled by the Company. The financial statements of the subsidiaries are included in the consolidated financial statements from the date that control commences until the date that control ceases.

Transactions eliminated on consolidation

Intra-group transactions and balances, and any unrealised income and expenses arising from intra-group transactions, are eliminated in preparing the consolidated financial statements.

2. Exchange rate applied in accounting

Transactions arising in currencies other than the reporting currency of VND are translated at the prevailing exchange rates at transaction dates.

The revaluation exchange rates at the end of the period of foreign currency monetary items classified as assets and foreign currency monetary items classified as liabilities are respectively the foreign currency buying rate and foreign currency selling rate of the commercial bank where the enterprise regularly conducts transactions at the time of preparing the Financial Statements.

All exchange differences arising on settlement or revaluation are recognized as income or expense in the income statement.

3. Recognition of cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, bank in banks, short-term, highly liquid investments with an original maturity of not more than 3 months, that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value.

4. Recognition of Financial investments

a) Trading securities

Trading securities are securities held by the Company for business purposes. Trading securities are recorded from the date the Company acquires ownership and are initially measured at fair value of the consideration paid at the time of transaction plus transaction costs associated with the purchase of trading securities.

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No. 322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

Consolidated Financial Statements

For the year ended 31 December 2025

In subsequent accounting periods, securities investments are determined at original cost minus Provision for impairment of trading securities if any.

Provision for impairment of trading securities is made in accordance with current accounting regulations.

b) Held to maturity investments

Investments held to maturity include investments that the Company has the intent and ability to hold to maturity. Investments held to maturity include bank deposits with a term (including treasury bills, promissory notes), bonds, preferred stock, the issuer is required to repurchase at a certain point in the future and loans held-to-maturity for the purpose of collecting interest periodically and other investments held to maturity.

Investments held to maturity are recognized starting from the date of purchase and the initial valuation of the purchase price and the costs related to the purchase of investments. Interest income from investments held to maturity after the date of acquisition are recognized in the Income statement on an accrual basis. Rates received before the Company held is deducted from the cost of acquisition.

Investments held to maturity at the time of report:

- If the term of maturity is equal or less than 01 year or 01 operating period classified to be short-term;
- If the term of maturity is more than 01 year or 01 operating period classified to be long-term.

c) Investment in equity instruments of other entities

Investments in equity instruments of other entities represent investments in equity instruments but the Company does not have control, joint control or significant influence over the investee.

Investments in equity instruments of other entities are stated at cost less provisions for impairment of investments in other entities. Provision for investment losses in capital instruments of other units is set up according to current regulations.

5. Recognition of account receivables

Receivables are recognized and presented at their carrying value minus the provisions for doubtful debts.

Provisions for doubtful debts are made for each doubtful debt based on the overdue age of the debts or the estimated potential loss at the end of the accounting period. Increase or decrease in the Provisions for doubtful debts are recorded as administrative expenses in the income statement.

Receivables are classified as Short-term and Long-term on the Consolidated Balance Sheet based on the remaining term of the receivables at the date of the Consolidated Financial Statements.

6. Recognition of inventories

Inventories are stated at original cost. Where the net realizable value is lower than cost, inventories should be measured at the net realizable value. The cost of inventories should comprise all costs of purchase, costs of conversion and other costs incurred in bringing the inventories to their present location and condition.

Inventory value is calculated on a weighted average basis.

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No. 322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

Consolidated Financial Statements

For the year ended 31 December 2025

The company applies the perpetual method of accounting for inventories.

An provision is made for devaluation of inventories for each inventory item whose historical cost is greater than its net realizable value. Increase or decrease in balance of the provision for devaluation of inventories that need to be appropriated at the balance sheet date is recognized at cost of goods sold.

7. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are determined by their historical costs. During the using time, Tangible fixed assets are recorded at cost less accumulated depreciation.

Depreciation is computed on a straight-line basis over the estimated useful lives of tangible fixed assets.

The period of depreciation applied are as follow:

- Buildings and structures	05 - 12 years
- Machinery and equipment	03 - 07 years
- Motor vehicles	06 - 12 years
- Office equipment	03 - 05 years
- Others	03 - 16 years

8. Recognition of prepaid expenses

Prepaid expenses only related to present year are recognised as short-term prepaid expenses and are recorded into operating costs.

The calculation and allocation of long-term prepaid expenses to profit and loss account in the period should be based on nature of those expenses to choose reasonable method and allocated factors. Prepaid expenses are allocated partly into operating expenses on a straight-line basis.

9. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recognized for future amounts payable in respect of goods and services already received. Accrued expenses are recognized based on reasonable estimates on the payable amount.

Payables are classified as commercial payables, accrued expenses, internal payables and other payables according to the following principles:

- Trade payables represent commercial payables arising from purchases of goods, services or assets and the seller is independent from the Company, including payables when import through authorized receivers;
- Accrued expenses reflect payables for goods or services received from seller or provided to a buyer but not paid due to lack of invoices or insufficient accounting documents and payables to employees on vacation pay, accrued production and business expenses.

Other payables reflect non-commercial payables not related to the transactions of buying, selling or supplying goods or services.

10. Recognition of Loans

The loans at the time of the balance sheet date:

- If the term of loans is lower 01 year or 01 operating period classified to be short-term;
- If the term of loans is upper 01 year or 01 operating period classified to be long-term.

In case of loans in foreign currency, at the end of the year, loans with foreign currency origin are converted at the selling exchange rate of the Commercial Bank where the enterprise opens an account announced on the closing date of the accounting period.

11. Recognition of owner's equity

Owner's investment capital is recognized according to the amount actually invested by the shareholders.

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No. 322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

Consolidated Financial Statements

For the year ended 31 December 2025

Share capital surplus is recorded at the larger difference between the actual issuance price and the par value of shares when issuing shares for the first time, issuing additional shares or reissuing treasury shares.

Undistributed profit after tax reflects the business results (profit, loss) after corporate income tax and the Company's profit distribution or loss handling situation.

Dividends payable to shareholders are recorded as payable in the Company's Balance Sheet when the dividend announcement by the Company's Board of Directors.

12. Recognition of revenue

Revenue from sale of goods

Revenue from sale of goods should be recognised when all the following conditions have been satisfied:

- The significant risks and rewards of ownership of the goods have been transferred to the buyer;
- The Company retains neither continuing managerial involvement as an owner nor effective control over the goods sold;
- The amount of revenue can be measured reliably;
- The economic benefits associated with the transaction of goods sold have flown or will flow to the Company;
- The costs incurred or to be incurred in respect of the transaction of goods sold can be measured reliably.

Revenue from rendering of services

Revenue from rendering of services is recognised when the outcome of that transaction can be measured reliably. Where a transaction involving the rendering of services is attributable to several periods, each period's revenue should be recognised by reference to the stage of completion at the balance sheet date. The outcome of a transaction can be estimated reliably when all the following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably;
- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company;
- The stage of completion of the transaction at the balance sheet date can be measured reliably;
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

The stage of completion of a transaction may be determined by surveys of work completed method.

Financial income

Income from interest, royalties and dividends and other financial income earned by the Company should be recognised when these two conditions are satisfied:

- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company;
- The amount of the income can be measured reliably.

Dividends should be recognised when the Company's right to receive payment is established.

Revenue deductions

Revenue deductions include: Trade discounts, sales discounts, and returned sales.

Revenue reduction adjustment is made as follows:

- Trade discounts, discounts on goods sold and returned goods arising in the same period of consumption of products and goods and services shall be adjusted to reduce the revenue of the arising period;
- In case products, goods and services have been consumed from the previous period, until the next period when trade discounts, discounts on goods sold or goods sold are returned, the company shall be entitled to write down revenue according to the principle:
 - + If products, goods and services consumed from previous periods to the next period must be discounted, subject to trade discounts, returned but arising before the time of issuance of financial statements, accountants must consider this as an event requiring adjustment arising after the balance

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No. 322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

Consolidated Financial Statements

For the year ended 31 December 2025

sheet date and writing down revenue on the Consolidated financial statements of the reporting period (the previous period).

+ In case products, goods and services must be discounted, have trade discounts, or are returned after the issuance of the Consolidated financial statements, the enterprise shall record a reduction in revenue of the period in which they arise (the following period).

13. Recognition of Cost of goods sold

Cost of goods sold reflects the capital value of products, goods, services, investment real estate; production cost of construction products (for construction enterprises) sold during the period. In addition, it also reflects expenses related to investment real estate business activities such as: Depreciation expenses; repair expenses; operating expenses for leasing investment real estate under the operating lease method (in case of small occurrence); expenses for transferring, selling and liquidating investment real estate, etc...

Provision for devaluation of inventories is charged to cost of goods sold on the basis of inventories and the difference between the net realizable value and the cost of inventories. When determining the volume of inventory that is subject to a decline in value for which a provision is made, the accountant must exclude the volume of inventory that has been signed for sale (with a net realizable value not lower than the value of the contract). book) but has not yet been delivered to the customer if there is solid evidence that the customer will not abandon the performance of the contract.

14. Recognition of financial expenses

Expenses recorded in financial expenses include:

- Expenses or losses related to financial investment activities;
- Borrowing expenses;
- Losses due to changes in exchange rates of transactions involving foreign currencies;
- Provision for diminution in value of securities investments and long-term financial investments.

The above items are recorded according to the total amount arising in the period, not offset against financial Income.

15. Recognition of selling expenses and administration expenses

Selling expenses represent expenses that are incurred in process of selling products, goods, providing services, which mainly include publicity, display, promotions, advertising expenses, sale commissions, warranty charges of goods and products (excluding construction activity), maintenance charges, packaging, and transportation, etc...

General administration expenses represent expenses for administrative purposes which mainly including salary expenses of administrative staffs (salaries, wages, allowances,...); social insurance, medical insurance, labor union fees, unemployment insurance of administrative staff, expenses of office materials, tools and supplies, depreciation of fixed assets used for administration, land rental, licence tax, provision for bad debts, utilities (electricity, water, telephone, fax, assets warranty, fire and explosive accidents insurance,...) other cash expenses (entertainment, customer conference...).

16. Recognition of corporate income tax expenses

Corporate income tax expenses recognized in the income statement include current corporate income tax expenses and deferred corporate income tax expenses. Current corporate income tax expenses are determined based on taxable income and the corporate income tax rate in the current period.

Deferred corporate income tax expense is determined based on the deductible temporary differences, taxable temporary differences and the corporate income tax rates that are expected to apply to the period when the asset is recovered or the liability is settled, based on tax laws that have been enacted or substantively enacted at the balance sheet date.

17. Segment reporting

Segment reporting includes a business segment or a geographical segment.

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No. 322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

Consolidated Financial Statements

For the year ended 31 December 2025

Business segment: A distinguishable component of an entity that is engaged in providing an individual product or service or a group of related products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

Geographical segment: A distinguishable component of an entity that is engaged in providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

18. Financial instruments

Initial recognition

Financial assets

At the date of initial recognition, financial assets are recognized at cost plus that are directly attributable to the acquisition of the financial assets.

Financial assets of the Company comprise cash and cash equivalents, short-term deposits, trade and other receivables, and investments.

Financial liabilities

At the date of initial recognition, financial liabilities are recognized at cost minus transaction costs that are directly attributable to the issue of the financial liabilities.

Financial liabilities of the Company comprise payable to suppliers, other payables and borrowings.

Offsetting of financial instruments

Financial assets and financial liabilities are offset and the net amount reported in the balance sheet if and only if:

- There is a currently enforceable legal right to offset the recognised amounts; and
- There is an intention to settle on a net basis or to realise the assets and settle the liabilities simultaneously.

Reassessment after initial recognition

Currently, there is no regulation on the revaluation of financial instruments after initial recognition.

19. Related parties

Parties are considered related if one party has the ability to control or significantly influence the other party in making financial and operating policy decisions. Parties are also considered related if they are under common control or common significant influence.

In considering related party relationships, the substance of the relationship is more important than its legal form.

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

Note to the Consolidated Financial Statements (Continued)

V. SUPPLEMENTARY INFORMATION TO THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET

1. Cash and cash equivalents

	Ending balance VND	Beginning balance VND
Cash on hand	541.487.946	625.166.439
Cash at bank	44.245.281.950	7.624.116.818
Cash equivalents (*)	20.000.000.000	80.000.000.000
Total	64.786.769.896	88.249.283.257

(*): Cash equivalents are 1-month term deposits at banks.

2. Long-term financial investments

Equity investments in other entities

	Ending balance	
	Number of shares	Amount (VND)
- Investment in shares of Dongthap Petroleum Transport Joint Stock Company	33.004	327.802.000
Total	33.004	327.802.000
Provision for reduction in value of investments in other entities	-	-
Recoverable value		327.802.000

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

Note to the Consolidated Financial Statements (Continued)**3. Short-term Trade receivables***Accounts receivable from customer detailed by significant customers and customers who are related parties:*

	Ending balance VND	Beginning balance VND
Related companies		
<i>Ultimate parent company</i>		
Vietnam National Petroleum Group	3.879.345.681	20.213.590.261
<i>Companies within Vietnam National Petroleum Group</i>		
Petrolimex Ba Ria - Vung Tau	108.778.336	-
Petrolimex Dong Thap (Petrolimex Tien Giang)	288.661.769	252.214.196
Petrolimex Aviation Fuel JSC	336.802.240	309.968.124
Petrolimex Singapore Pte. Ltd	469.995.076	980.094.839
<i>Other Parties</i>		
Saigon Petro Co., Ltd.	2.236.587.604	11.646.095.517
Other customers	2.649.034.419	1.879.752.808
Total	9.969.205.125	35.281.715.745

4. Other receivables**a) Other short-term receivables**

	Ending balance VND	Beginning balance VND
Insurance claim receivable	2.939.219.194	661.841.205
Interest receivable from term deposits	69.041.096	211.181.319
Advance	146.627.500	25.000.000
Other receivables	69.791.824	64.437.822
Total	3.224.679.614	962.460.346

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

Note to the Consolidated Financial Statements (Continued)

b) Other long-term receivables	Ending balance	Beginning balance
	VND	VND
Long-term deposits, mortgages and collateral	15.630.000	29.650.000
Total	15.630.000	29.650.000

5. Inventory*Unit: VND*

	Ending balance		Beginning balance	
	Cost	Provisions	Cost	Provisions
Goods in transit	430.716.830	-	-	-
Raw materials	57.528.699.348	-	49.719.512.015	-
Work in progress	7.835.602.833	-	1.966.693.069	-
Total	65.795.019.011	-	51.686.205.084	-

6. Short-term prepaid expenses

	Ending balance	Beginning balance
	VND	VND
Prepaid Insurance Expenses	2.124.362.708	1.895.879.088
Other short-term prepaid expenses	-	131.321.517
Total	2.124.362.708	2.027.200.605

7. Capital construction in process

	Ending balance	Beginning balance
	VND	VND
ERP Software Project	844.000.000	-
Long Phu 21 Ship Project	207.289.814	-
Total	1.051.289.814	-

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

Note to the Consolidated Financial Statements (Continued)

8. Increase and decrease in tangible fixed assets

Unit: VND

Item	Buildings, Structures	Machinery and Equipment	Transportation equipments	Office equipment	Others	Total
Cost						
Opening balance	724.111.385	2.448.502.636	780.554.830.620	609.958.756	7.816.638.664	792.154.042.061
Increases	-	474.000.000	140.449.099.808	-	-	140.923.099.808
- Purchase	-	474.000.000	140.449.099.808	-	-	140.923.099.808
Decreases	-	-	-	-	-	-
Closing balance	724.111.385	2.922.502.636	921.003.930.428	609.958.756	7.816.638.664	933.077.141.869
Accumulated depreciations						
Opening balance	724.111.385	2.114.331.623	519.081.708.503	517.728.351	7.527.267.995	529.965.147.857
Increases (Depreciation)	-	157.951.944	47.203.152.890	41.412.527	142.638.248	47.545.155.609
Decreases	-	-	-	-	-	-
Closing balance	724.111.385	2.272.283.567	566.284.861.393	559.140.878	7.669.906.243	577.510.303.466
Net book value						
Opening balance	-	334.171.013	261.473.122.117	92.230.405	289.370.669	262.188.894.204
Closing balance	-	650.219.069	354.719.069.035	50.817.878	146.732.421	355.566.838.403

	Ending balance VND	Beginning balance VND
- Closing balance of netbook value of tangible fixed assets pledged as loan securities:	140.411.344.674	172.428.520.812
- Cost of fully depreciated tangible fixed assets but still in use:	250.869.066.255	250.824.520.800

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

Note to the Consolidated Financial Statements (Continued)

9. Loans and finance lease liabilities

	Ending balance		Movements during the period		Beginning balance		Unit: VND
	Carrying amount	Amount within repayment capacity	Additions	Decreases	Carrying amount	Amount within repayment capacity	
a) Short-term loan	13,888,000,000	13,888,000,000	28,394,943,000	47,536,943,000	33,030,000,000	33,030,000,000	
Current portion of long - term borrowings	13,888,000,000	13,888,000,000	28,394,943,000	47,536,943,000	33,030,000,000	33,030,000,000	
Vietinbank - Bac Sai Gon Branch (i), (ii)	13,888,000,000	13,888,000,000	28,394,943,000	33,786,943,000	19,280,000,000	19,280,000,000	
Vietcombank - Gia Dinh Branch (iii)	-	-	-	13,750,000,000	13,750,000,000	13,750,000,000	
b) Long-term loan	83,328,000,000	83,328,000,000	97,216,000,000	28,394,943,000	14,506,943,000	14,506,943,000	
Vietinbank - Bac Sai Gon Branch (i), (ii)	83,328,000,000	83,328,000,000	97,216,000,000	28,394,943,000	14,506,943,000	14,506,943,000	
Total	97,216,000,000	97,216,000,000	125,610,943,000	75,931,886,000	47,536,943,000	47,536,943,000	

Details of loan balances:

- (i) This is a long-term loan from Vietinbank – Bac Sai Gon Branch, under Contract No. 019/2019-HDCVDADT/NHCT948-PJTACO dated September 24, 2019, for the purpose of acquisition of the vessel Long Phú 20. The loan term is 7 installments. The interest rate is floating. The loan is secured by assets formed from the loan proceeds. As of December 31, 2025, this loan was fully repaid.
- (ii) This is a long-term loan from Vietinbank – Bac Sai Gon Branch, under Contract No. 054/2025-HDCVDADT/NHCT948-PJTACO dated December 24, 2025, for the purpose of acquisition of the vessel Long Phú 06. The loan term is 7 installments. The interest rate is floating. The loan is secured by assets formed from the loan proceeds. As at December 31, 2025, the outstanding principal balance is VND 97,216,000,000 (of which VND 13,888,000,000 is classified as current portion of long-term loan)
- (iii) This is a loan from Vietcombank – Gia Dinh Branch, under Contract No. 0063/GDLKH/CD21 dated March 12, 2021, for the purpose of acquisition of the vessel Long Phú 16. The loan term is 57 months. The interest rate is floating. The loan is secured by assets formed from the loan proceeds. As of December 31, 2025, this loan was fully repaid.

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

Note to the Consolidated Financial Statements (Continued)**9. Loans and finance lease liabilities (Continued)**

<i>Long-term loans are repaid according to the following schedule:</i>	Ending balance VND	Beginning balance VND
Due within one year	13.888.000.000	33.030.000.000
Due in the second year	13.888.000.000	14.506.943.000
Due from the third to the fifth year	41.664.000.000	-
Due after five years	27.776.000.000	-
Total	97.216.000.000	47.536.943.000
Less: amounts payable within 12 months (presented in the note on long-term borrowings due for repayment)	13.888.000.000	33.030.000.000
Amounts payable after 12 months	83.328.000.000	14.506.943.000

10. Short-term supplier payables

Unit: VND

	Cost and amount within repayment capacity	
	Ending balance VND	Beginning balance VND
Related companies		
<i>Companies within Vietnam National Petroleum Group</i>		
Petrolimex Sai Gon - One Member Limited	5.469.950.679	7.736.008.195
Vitaco Da Nang One Member Company Limited	4.055.530.705	3.585.916.898
Petrolimex Nghe An	1.734.041.358	-
Petrolimex Dong Nai	1.685.795.706	2.908.552.680
PLC. Saigon	925.956.593	-
PJICO Gia Dinh Insurance Company	156.353.699	-
Nha Be Oil Terminal	23.136.771	1.074.695
Vitaco Da Nang One Member Company Limited - Nha Trang Branch	555.661.502	663.000.454
Petrolimex Vung Tau Branch	4.892.938	-
Petrolimex Gas Corporation - Joint Stock Company	24.626.592	25.359.180
Vipco Ha Long One Member Company Limited	-	60.880.075
Other parties		
Khanh Cuong Maritime Technology Company Limited	6.330.977.489	2.385.597.560
Long Phu 68 Transportation Services and Trading JSC	3.312.516.092	2.616.398.945
Other suppliers	37.267.748.365	26.600.549.663
Total	61.547.188.489	46.583.338.345

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

Note to the Consolidated Financial Statements (Continued)

11. Tax payables and statutory obligations

Unit: VND

	Beginning balance		Paid	Ending balance	
	Receivable	Payable		Receivable	Payable
VAT on domestic sales	-	188,005,357	10,637,319,090	-	595,202,703
VAT on domestic sales - Additional (*)	-	-	3,779,090	-	-
VAT - Additional (*)	-	-	777,658,813	-	-
Import-export duty	-	-	247,088,937	-	-
Corporate income tax	-	827,374,040	6,012,534,372	-	527,732,843
Corporate income tax - Additional (*)	-	-	20,220,700	-	-
Personal income tax	-	144,109,833	1,631,430,975	12,705,262	187,579,647
Land and housing taxes, land rental	-	-	950,588,197	309,185,282	-
Fees and other obligations	-	-	505,000,000	-	-
Total	-	1,159,489,230	20,614,755,593	321,890,544	1,310,515,193

(*) Additional VAT and corporate income tax are additional payable for the year 2024 according to Decision No. 3364/QĐ-XPCH dated 24 October 2025 issued by the Ho Chi Minh City Tax Department.

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

Note to the Consolidated Financial Statements (Continued)

12. Short-term accrued expenses

	Ending balance VND	Beginning balance VND
Accrued interest expense	138.499.507	124.537.283
Accrual of cost of goods sold	286.760.668	-
Other accrued expenses	85.926.020	202.566.124
Total	511.186.195	327.103.407

13. Other payables

a) Other short-term payables

	Ending balance VND	Beginning balance VND
Trade Union fees	1.214.277.418	1.619.183.925
Social, health and unemployment insurances	1.931.731	1.563.931
Dividends payable	1.237.375.743	1.197.673.913
Other short-term payables	830.778.332	999.244.493
Total	3.284.363.224	3.817.666.262

b) Other non-current payables

	Ending balance VND	Beginning balance VND
Long-term deposits, collateral received	300.000.000	300.000.000
Total	300.000.000	300.000.000

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

Note to the Consolidated Financial Statements (Continued)

					Unit: VND
14. Owner's equity					
a) Changes in owner's equity					
	Share capital	Share premium	Investment and development fund	Retained profits	Total
Balance at 1/1/2024	230.407.170.000	225.423.555	47.073.067.777	21.223.701.505	298.929.362.837
Net profit for the prior year				28.776.520.948	28.776.520.948
Distribution of profit - prior year	18.420.680.000		600.000.000	(20.804.219.155)	(1.783.539.155)
- Investment and development fund			600.000.000	(600.000.000)	-
- Bonus and welfare fund				(1.783.539.155)	(1.783.539.155)
- Dividends paid in shares	18.420.680.000			(18.420.680.000)	-
Balance at 31/12/2024	248.827.850.000	225.423.555	47.673.067.777	29.196.003.298	325.922.344.630
Balance at 1/1/2025	248.827.850.000	225.423.555	47.673.067.777	29.196.003.298	325.922.344.630
Profit in the Year				22.158.216.129	22.158.216.129
Profit distribution - current Year (*)			9.500.000.000	(28.776.520.948)	(19.276.520.948)
- Investment and development fund			9.500.000.000	(9.500.000.000)	-
- Bonus and welfare fund				(4.046.849.948)	(4.046.849.948)
- Management Bonus fund				(300.000.000)	(300.000.000)
- Dividends paid in cash				(14.929.671.000)	(14.929.671.000)
Balance at 31/12/2025	248.827.850.000	225.423.555	57.173.067.777	22.577.698.479	328.804.039.811

(*): Profit distribution during the year according to the Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders dated April 22, 2025; Resolution No. 07/PJT-NQ-HDQT dated May 16, 2025 and Decision No. 22/PJT-QD-HDQT dated May 26, 2025 of the Board of Directors of the company.

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

Note to the Consolidated Financial Statements (Continued)

b) Details of owner's invested capital	Ending balance		Beginning balance	
	%	VND	%	VND
Petrolimex Tanker Corporation	51,22%	127.461.890.000	51,22%	127.461.890.000
Other shareholders	48,78%	121.365.960.000	48,78%	121.365.960.000
Total	100%	248.827.850.000	100%	248.827.850.000

c) Movements in share capital and distribution of dividends

Owner's share capital	Current year VND	Previous year VND
Share Capital - Opening balance	248.827.850.000	230.407.170.000
Share Capital - increased	-	18.420.680.000
Share Capital - decreased	-	-
Share Capital - Closing balance	248.827.850.000	248.827.850.000
Share premium - Opening balance	225.423.555	225.423.555
Share premium - increased	-	-
Share premium - decreased	-	-
Share premium - Closing balance	225.423.555	225.423.555
Dividends paid	14.929.671.000	18.420.680.000

d) Shares	Ending balance	Beginning balance
Number of share authorized for issue	24.882.785	24.882.785
Number of shares issued and fully contributed	24.882.785	24.882.785
- Ordinary shares	24.882.785	24.882.785
Number of shares outstanding	24.882.785	24.882.785
- Ordinary shares	24.882.785	24.882.785

* Par value per stock: 10.000 VND

e) Company's funds	Ending balance VND	Beginning balance VND
Investment and development funds	57.173.067.777	47.673.067.777
Total	57.173.067.777	47.673.067.777

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

Note to the Consolidated Financial Statements (Continued)

15. Off-Balance Sheet Accounts	Ending balance	Beginning balance
Foreign Currencies: - USD	666,82	666,03

VI. SUPPLEMENTARY INFORMATION TO THE CONSOLIDATED INCOME STATEMENT**1. Revenue from sale of goods and rendering of services**

a) Revenue	Current year VND	Previous year VND
Revenue rendering of sale	-	780.000
Revenue rendering of services	715.816.770.049	699.398.985.438
Total	715.816.770.049	699.399.765.438

b) Revenue from related parties	Current year VND	Previous year VND
Revenue rendering of services		
<i>Ultimate parent company</i>		
<i>Vietnam National Petroleum Group</i>	532.687.011.613	495.755.986.054
<i>Companies within Vietnam National Petroleum Group</i>		
<i>Petrolimex Sai Gon - One Member Limited</i>	1.064.590.617	-
<i>Branch Petrolimex Vung Tau - P.SG</i>	456.918.391	-
<i>Petrolimex Dong Thap (Petrolimex Tien Giang)</i>	4.412.628.690	4.268.945.584
<i>Petrolimex Quang Tri (Petrolimex Quang Binh)</i>	-	95.807.186
<i>Petrolimex Aviation Fuel JSC</i>	10.976.101.851	12.252.322.538
<i>Petrolimex Singapore Pte. Ltd</i>	3.738.577.631	9.383.527.030
<i>Vitaco Sai Gon - One Member Limited</i>	6.036.521.244	1.410.967.605
Total	559.372.350.037	523.167.555.997

2. Cost of goods sold	Current year VND	Previous year VND
Cost of Goods Sold	-	780.000
Cost of services provided	648.973.108.197	628.894.596.358
Total	648.973.108.197	628.895.376.358

3. Financial income	Current year VND	Previous year VND
Interest income from deposits	3.954.537.271	1.738.920.119
Dividends received	39.604.800	39.604.800
Foreign exchange gains	146.256.417	314.976.101
Total	4.140.398.488	2.093.501.020

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

Note to the Consolidated Financial Statements (Continued)

4. Financial expenses	Current year	Previous year
	VND	VND
Interest expenses	1.948.996.294	5.041.509.001
Foreign exchange losses	33.154.675	63.523.068
Total	1.982.150.969	5.105.032.069
5. Other income	Current year	Previous year
	VND	VND
Disposal of fixed assets	-	8.076.082.080
Receive compensation	7.647.687.363	2.533.692.141
Others	353.438.411	554.398.812
Total	8.001.125.774	11.164.173.033
6. Other expenses	Current year	Previous year
	VND	VND
Tax late payment and administrative penalties	34.716.010	336.495.398
Insurance compensation paid	8.861.234.561	2.921.977.024
Others	82.619.427	334.004.159
Total	8.978.569.998	3.592.476.581
7. Administration expenses	Current year	Previous year
	VND	VND
Office supplies	282.592.218	1.179.723.003
Staff costs	24.685.351.838	21.259.666.651
Depreciation	788.473.743	654.604.293
Outside services	6.258.736.177	6.064.258.851
Other expenses	8.102.931.737	9.400.577.018
Total	40.118.085.713	38.558.829.816

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

Note to the Consolidated Financial Statements (Continued)

8. Business costs by element	Current year	Previous year
	VND	VND
Raw material costs	330.304.419.240	335.447.059.154
Staff costs	104.665.258.456	90.799.968.384
Depreciation	47.545.155.609	55.703.719.745
Outside services	202.718.984.199	174.211.533.414
Other expenses	9.726.286.170	11.423.483.949
Total	694.960.103.674	667.585.764.646

9. Corporate income tax

The Company is obliged to pay corporate income tax at the rate of 20% on taxable income.

a) Current business income tax expense	Current year	Previous year
	VND	VND
Current corporate income tax expenses	5.712.893.175	7.522.802.298
Additional CIT (*)	20.220.700	191.351.991
Total Current corporate income tax expenses	5.733.113.875	7.714.154.289

(*) Additional CIT incurred in Current year is additional payable for the year 2024 according to Decision No. 3364/QĐ-XPCH dated 24 October 2025 issued by the Ho Chi Minh City tax Department.

b) Deferred corporate income tax expense	Current year	Previous year
	VND	VND
Deferred corporate income tax expense arising from internal transactions related to the acquisition of fixed assets (*)	15.049.430	15.049.430
Total Deferred corporate income tax expense	15.049.430	15.049.430

(*): In the year 2019, the subsidiary built a new river vessel (a fixed asset) for the company, thus generating deferred corporate income tax income/expense and deferred corporate income tax assets. This deferred corporate income tax was recognized based on unrealized internal profit multiplied by the current applicable CIT rate of 20%.

The Company's tax settlements are subject to examination by the tax authorities. Because the application of tax laws and regulations to many types of transactions is susceptible to varying interpretations, amounts reported in the financial statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

Note to the Consolidated Financial Statements (Continued)

10. Basic earnings per share	Current year	Previous year (*)
		Restated
Net consolidated profit for the period	22.158.216.129	28.776.520.948
Adjustment to accounting profits to determine profit or loss attributable to ordinary equity holders of the Company	(3.545.314.580)	(4.346.849.948)
+ Decreases (*)	3.545.314.580	4.346.849.948
Profit attributable to ordinary equity holders of the Company	18.612.901.549	24.429.671.000
Weighted average of issued ordinary shares	24.882.785	23.040.717
Effect of dividend share Issued in 2024	-	669.385
Weighted average number of ordinary shares for the year (number of shares)	24.882.785	23.710.102
Basic earnings per share (VND/share) (*)	748	1.030
Diluted earnings per share (**)	748	1.030

(*): The adjustments to reduce accounting profit current year are provisional amounts that will be allocated to the reward and welfare fund for employees at a rate of 15% and the Management's Bonus Fund at 1% of the year 2025's consolidated after-tax profit according to the Company's 2026 Financial Plan.

Basic and Diluted Earnings Per Share for the prior year have been retrospectively adjusted due to changes in profit allocations from 2024. The initial estimate presented in the 2024 financial statements was VND 3,900,000,000, whereas the actual amount finalized was VND 4,346,849,948. This variance of VND 446,849,948 resulted in a VND 19/share decrease in the 2024 Basic and Diluted EPS (from VND 1,049/share to VND 1,030/share).

(**): During the year and up to the date of this report, there are no potential possibility diluted in common stock value.

VII. OTHER INFORMATION**1. Transactions with related parties**

Unit: VND

During the year, except for the information disclosed above, the Company has incurred important transactions with Related Parties as follows:

Related Parties	Relationship	Contents	Value of transaction (Excluding VAT)
Vietnam National Petroleum Group	Ultimate parent company	Payables for inventory shortages	367.096.853
Petrolimex Tanker Corporation	Parent Corporation	Cash Dividend Software Maintenance Cost	7.647.713.400 15.000.000

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

Note to the Consolidated Financial Statements (Continued)

Related Parties	Relationship	Contents	Value of transaction (Excluding VAT)
Petrolimex Sai Gon - One Member Limited	Related party	Purchase of fuel	113.181.200.477
Petrolimex Vung Tau Branch - P.SG	Related party	Purchase of fuel	46.928.288.693
		Service costs	55.151.885
Petrolimex Nghe An	Related party	Purchase of fuel	88.085.188.959
Petrolimex Dong Nai	Related party	Purchase of fuel	7.805.050.610
PLC. Saigon	Related party	Buy materials	3.943.788.696
PJICO Gia Dinh Insurance Company	Related party	Buy insurance	15.298.082.635
		Collect insurance proceeds	6.184.834.414
Petrolimex Gas Corporation	Related party	Office Rental Cost	2.455.144.758
		Purchase of fuel	243.738.000
Nha Be Oil Terminal	Related party	Service costs	206.773.698
Vitaco Da Nang One Member Company Limited	Related party	Service costs	8.998.074.614
Vitaco Da Nang One Member Company Limited - Nha Trang Branch	Related party	Service costs	1.034.545.412
Vipco Ha Long One Member Company Limited	Related party	Service costs	177.777.792
B12 Oil Terminal	Related party	Purchase of fuel	4.321.240.000
PJICO Binh Dinh Insurance Company	Related party	Service costs	18.000.000
PIACOM., JSC	Related party	Buy software	844.000.000
Petrolimex Da Nang	Related party	Purchase of fuel	2.012.042.200
Petrolimex Gia Lai	Related party	Purchase of fuel	5.235.432.543
		Purchase other goods	5.340.000
Petrolimex Khanh Hoa	Related party	Purchase of fuel	2.653.045.150
Petrolimex Can Tho	Related party	Purchase of fuel	8.118.378.008
		Purchase other goods	80.927.990
Petrolimex Hai Phong Transportation and Services Joint Stock Company	Related party	Service costs	10.350.000

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

Note to the Consolidated Financial Statements (Continued)**1. Transactions with related parties (Continued)****Key management personnel compensation:**

Board of Directors		Current year	Previous year
		VND	VND
Salaries, remuneration, bonus and other benefits			
Mr Ngo Anh Dung	Chairman	1.176.466.024	884.096.003
Mrs Dang Thi Xuan Huong	Member	-	58.240.000
Mrs Nguyen Thi Hien (*)	Member	84.992.000	-
Mr Nguyen Duy Hai	Member	122.880.000	109.440.000
Mr Dam Trong Nghia	Member	122.880.000	109.440.000
Mr Nguyen Tuan Hung	Member	140.434.000	124.842.000
Mr Do Huu Nam	Member	135.642.000	79.573.333
Mr Phan Anh Duc	Member	547.127.275	513.615.665
Total		2.330.421.299	1.879.247.001

(*): Mrs. Nguyen Thi Hien has been appointed as a member of the Board of Directors from April 22, 2025

Supervisory Board		Current year	Previous year
		VND	VND
Salaries, remuneration, bonus			
Mr Hoang Anh Tuan	Head of Supervisory Board	140.434.000	121.096.000
Mr Tran Van Trong (*)	Member	502.025.874	84.767.000
Mr Pham Ngoc Sinh	Member	98.304.000	84.767.000
Total		740.763.874	290.630.000

(*): Mr Tran Van Trong's income in current year includes remuneration, salary, bonuses and other benefits. The previous year's amount only included remuneration.

Board of Management and Chief Accountant		Current year	Previous year
		VND	VND
Salaries, bonus and other benefits			
Mrs Nguyen Thi Hien (*)	General Director	940.359.694	682.544.002
Mrs Dang Thi Xuan Huong	General Director	-	574.166.000
Mr Dam Trong Nghia	Deputy General Director	815.448.789	675.556.004
Mr Nguyen Duy Hai	Deputy General Director	815.398.789	675.556.004
Mr Pham Van Toan	Deputy General Director	815.448.789	663.900.004
Mr Nguyen Huy Hao (**)	Chief Accountant	585.694.324	42.400.000
Total		3.972.350.385	3.314.122.014

(*): Mrs. Nguyen Thi Hien - General Director from May 01 2025 until now; Deputy General Director/DGD in charge from Mar 01 2024 to April 30 2025; Chief Accountant until February 29 2024.

(**): Mr Nguyen Huy Hao - Chief Accountant From December 01 2024 up to now.

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

Note to the Consolidated Financial Statements (Continued)**2. Segment report****a/ Business segment reporting**

The Company's principal business activity is inland waterway transportation of petroleum products, Therefore, the segment financial statements for the period are classified by business sectors as follows:

For the year ended 31 December 2025

Unit: VND

	Merchandise trading	Transportation services	Shipbuilding and repair services	Total
External revenue	-	676.137.947.778	51.789.927.412	727.927.875.190
Inter-segment revenue			(12.111.105.141)	(12.111.105.141)
Cost of goods sold	-	614.615.585.550	34.357.522.647	648.973.108.197
Segment results	-	61.522.362.228	5.321.299.624	66.843.661.852
Unallocated expenses	-	36.169.912.086	3.948.173.627	40.118.085.713
Results from operating activities	-	25.352.450.142	1.373.125.997	26.725.576.139
Financial income				4.140.398.488
Financial expenses				1.982.150.969
Other income				8.001.125.774
Other expenses				8.978.569.998
Income tax expense – current				5.733.113.875
Income tax expense – deferred				15.049.430
Net profit after tax				22.158.216.129

As at December 31, 2025:

Unit: VND

	Merchandise trading	Transportation services	Shipbuilding and repair services	Total
Segment assets	-	505.153.445.227	21.255.355.049	526.408.800.276
Investments		327.802.000		327.802.000
Unallocated assets		15.630.000		15.630.000
Total assets				526.752.232.276
Segment liabilities	-	180.764.452.327	15.630.595.867	196.395.048.194
Unallocated liabilities		1.350.789.606	202.354.665	1.553.144.271
Total liabilities				197.948.192.465

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

Note to the Consolidated Financial Statements (Continued)**For the year ended 31 December 2024***Unit: VND*

	Merchandise trading	Transportation services	Shipbuilding and repair services	Total
External revenue		666.697.810.742	40.748.827.228	707.446.637.970
Inter-segment revenue			(8.690.622.334)	(8.690.622.334)
Cost of goods sold		601.450.474.887	26.801.151.669	628.251.626.556
Segment results	-	65.247.335.855	5.257.053.225	70.504.389.080
Unallocated expenses	-	35.154.958.012	3.353.770.258	38.508.728.270
Results from operating activities	-	30.092.377.843	1.903.282.967	31.995.660.810
Financial income				2.093.501.020
Financial expenses				5.105.032.069
Other income				11.164.173.033
Other expenses				3.592.476.581
Income tax expense – current				7.714.154.289
Income tax expense – deferred				15.049.430
Net profit after tax				28.826.622.494

As at December 31, 2024*Unit: VND*

	Merchandise trading	Transportation services	Shipbuilding and repair services	Total
Segment assets	(3.485.412.972)	427.994.351.985	18.665.330.931	443.174.269.944
Unallocated assets				327.802.000
Total assets				443.502.071.944
Segment liabilities	(3.219.539.694)	113.575.666.605	6.374.749.761	116.730.876.672
Unallocated liabilities				848.850.642
Total liabilities				117.579.727.314

b/ Segment reporting by geographical area

The company operates solely within the geographical territory of Vietnam; therefore, geographical segment reporting is not presented.

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

Note to the Consolidated Financial Statements (Continued)

3. Financial instruments

a) Fair value of Financial Asset and Liability

	Ending balance	
	Book value VND	Provision VND
Financial assets		
Cash and cash equivalent	64.786.769.896	-
Trade receivables and other receivables	13.047.257.239	-
Short/long term deposits, mortgage	15.630.000	-
Short/Long-term financial investments	327.802.000	-
Total	78.177.459.135	-

Financial liabilities

	Book value	
	Ending balance VND	Beginning balance VND
Trade payables and Other payables	63.617.274.295	48.781.820.682
Accrued expenses	511.186.195	327.103.407
Short/long term deposits received as collateral	300.000.000	300.000.000
Loans and debts	97.216.000.000	47.536.943.000
Total	161.644.460.490	96.945.867.089

The Company has not determined the fair value of financial assets and financial liabilities as at the end of the period due to No. 210/2009/TT-BTC circular issued by the Ministry of Finance dated 06 November 2009 as well as the current regulations do not provide specific guidance on determining the fair value of financial assets and financial liabilities. Circular No.210/2009/TT-BTC requirements applicable Financial Reporting Standards International presentation of financial statements and disclosures for financial instruments but not provide guidance for the equivalent assessment and recognition of financial instruments, including the application of fair value in line with the financial reporting Standards International.

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

Note to the Consolidated Financial Statements (Continued)**b) Guaranteed assets**

The remaining value of collateral/mortgage to other entities at the beginning of the year and at the end of the period is as follows:

	Ending balance VND	Beginning balance VND
Tangible fixed assets	140.411.344.674	172.428.520.812
Total	140.411.344.674	172.428.520.812

c) Management financial risk

Overview: The financial risks the Company meet because of using financial instruments:

- Credit risk
- Liquidity risk
- Market risk

c.1) Credit risk

Credit risk is the risk that partners will not perform its obligations under the provisions of a financial instrument or contract leading to financial losses. The Company has credit risk from its business activities (primarily accounts receivable for customers) and from its own financial operations, including bank deposits and other financial instruments.

Bank deposits and cash equivalents

Most bank deposits of the Company shall be deposited at the trusted banks in Vietnam. The Company found that concentrations of credit risk for bank deposits are low.

Trade accounts receivable and other receivables

The management of customer credit risk based on the policies, procedures and process control of the Company related to the management of customers credit risk.

Customer receivables which are unpaid are regularly monitored. The analysis of the ability to be made redundant at the reporting date on the basis of each major customer. On this basis, the Company does not have risk of credit concentration.

Bad debts (if any) have been fully controlled and provisioned.

c.2) Liquidity risk

Liquidity risk which Company has difficulty in meeting the financial obligations due to lack of capital. Liquidity risk of the Company arises mainly due to mismatch in the maturities of financial assets and financial liabilities.

The Company manage liquidity risk through maintaining the ratio of cash and cash equivalents at the level that Board of General Directors thought its sufficient to provide financial support for the business of the Company and to minimize impact of changing cash flows.

Information maturity of financial liabilities of the Company based on the undiscounted payment value under the contract as follows:

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

Note to the Consolidated Financial Statements (Continued)

	From 01 year and less	Over 01 year up to 05 years	Over 05 years	Total
Balance at 31/12/2025	78.016.460.490	55.852.000.000	27.776.000.000	161.644.460.490
Loans and debts	13.888.000.000	55.552.000.000	27.776.000.000	97.216.000.000
Trade payable	61.547.188.489	-	-	61.547.188.489
Other payable	2.070.085.806	300.000.000	-	2.370.085.806
Accrued Expenses	511.186.195	-	-	511.186.195
Balance at 1/1/2025	82.138.924.089	14.806.943.000	-	96.945.867.089
Loans and debts	33.030.000.000	14.506.943.000	-	47.536.943.000
Trade payable	46.583.338.345	-	-	46.583.338.345
Other payable	2.198.482.337	300.000.000	-	2.498.482.337
Accrued Expenses	327.103.407	-	-	327.103.407

The Company considers that the risk concentration for debt repayment is low. The Company has the ability to pay its due debts from cash flows from operating activities and proceeds from maturing financial assets.

c.3) Market risk

Market risk is the risk that fair value or future value of cash flows from financial instruments will fluctuate with changing of market prices. Market risk includes three types: foreign currency risk, interest rate risk and other price risk.

Foreign currency risk

Foreign currency risk is the risk that fair value or future cash flows of financial instruments will fluctuate with changes in the exchange rate.

The Company manages foreign currency risk by considering the current and expected market when planning for the future transaction in foreign currency. Company supervises the risk for financial assets and liabilities in foreign currencies.

Interest rate risk

Interest rate risk is the risk that fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate due to changes of market interest rates. The risk of changes in market interest rates of the Company primarily related to short-term deposits and loans.

The Company manages interest rate risk by closely monitoring market conditions relevant, by that Company will determine the appropriate interest rate policy for risk limited purpose Company.

Other price risk

Other price risk is the risk that fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate according to changes in external market prices of interest rate changes and exchange rate.

PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Address: 7th Floor, Building No.322 Dien Bien Phu, Ward Thanh My Tay, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2025

Note to the Consolidated Financial Statements (Continued)

4. Comparative figures

The comparative figures are those taken from the Consolidated Financial Statement for the year ended 31st December 2024 which was audited by KPMG Limited Company.

5. Information about going concern

During the period and up to now, there have been no financial events occurring that has significantly affected the ability the going concern of the Company, therefore the financial statements of the Company are prepared on the assumption of going concern basic.

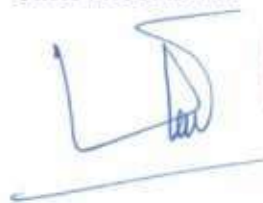
Ho Chi Minh City, Date: 15 March 2026

Prepared by



Tran Minh Vu

Chief Accountant



Nguyen Huy Hao

General Director



Nguyen Thi Hien